

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 19-02-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ: T5, H, HM, HN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân B (Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1975, ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: Công ty trách nhiệm hữu hạn T, số 47/4A, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh BD. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2018, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện

nguyên đơn ông Hà Xuân B, trình bày: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn C có vay tiền của Ngân hàng C gồm 03 khoản vay, cụ thể như sau:

1. Ngày 05/10/2006 vay số tiền gốc 9.000.000đ thuộc chương trình cho vay nhà vượt lũ Đồng bằng sông Cửu Long, theo khế ước vay 6000005100213728 hạn trả cuối cùng theo khế ước là ngày 05/10/2016 nhưng bà N, ông C có xin gia hạn khoản vay này và Ngân hàng đã chấp thuận nên hạn trả cuối cùng là ngày 13/9/2021, lãi suất 0,25%/tháng. Ngày 16/8/2016 thì bà N, ông C đã trả lãi được 2.672.520đ, sau đó không đóng lãi nữa. Hiện nợ lãi tính từ ngày 16/8/2016 đến nay 01/8/2018 là 519.824đ.

2. Ngày 11/3/2013 vay số tiền gốc là 10.000.000đ, ngày 16/11/2013 vay 7.000.000đ thuộc chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo khế ước số 6000005100213731. Ngày 16/8/2016 thì bà N, ông C đã trả được 7.000.000đ của số tiền vay ngày 16/11/2013. Còn khoản vay 10.000.000đ hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/12/2017, lãi suất 0,65%/tháng, nợ lãi tính từ ngày 16/8/2016 đến nay 01/8/2018 là 1.637.626đ.

3. Ngày 16/8/2016 vay số tiền gốc 35.000.000đ thuộc chương trình cho vay Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, mục đích vay của bà N, ông C là chăn nuôi bò, theo khế ước vay số 6600000708171760 hạn trả cuối cùng ngày 13/8/2021, **lãi suất 0,75%/tháng. Ngày 29/11/2016 thì bà N, ông C đã đóng lãi được 500.000đ, nợ lãi tính từ ngày 16/8/2016** đến ngày 01/8/2018 là 6.064.588đ trừ 500.000đ bà N, ông C đã đóng lãi trước đó thì còn lại 5.564.588đ.

Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc bà N, ông C thanh toán số tiền gốc, lãi còn nợ nhưng bà N, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Đến nay món vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đã quá hạn trả. Tuy hai khoản vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn và nhà vượt lũ Đồng Bằng sông Cửu Long trên chưa đến hạn trả cuối cùng nhưng bà N, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà N, ông C trả các khoản vay này. Nay Ngân hàng C yêu cầu bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C trả tổng cộng số tiền vay của ba khoản vay còn nợ tiền gốc là 54.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2018 là 7.722.038đ. Tổng cộng gốc lãi là 61.722.038đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo khế ước số 6000005100213728, 6000005100213731, 6600000708171760 cho đến khi nào trả hết nợ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C đã được đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà N, ông C vẫn không có mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2018 thì bà N, ông C thống nhất trình bày: Ông bà có nợ Ngân hàng C gồm các khoản nợ sau:

1. Nợ vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn số tiền gốc 35.000.000đ, nợ tiền lãi tính từ ngày 16/8/2016 đến ngày 01/8/2018 là 5.564.588đ;

2. Nợ vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn số tiền gốc 10.000.000đ, chưa trả tiền lãi, lãi tính từ ngày 11/3/2013 đến ngày 01/8/2018 là 1.637.626đ.

3. Nợ vay vượt lũ số tiền 9.000.000đ, chưa trả lãi, lãi tính từ ngày 05/10/2006 đến ngày 01/8/2018 là 519.824đ.

Ông bà thống nhất trả nợ Ngân hàng C tổng số tiền gốc là 54.000.000đ, tiền lãi 7.722.038đ và đồng ý tiếp tục trả lãi theo các khế ước vay 6000005100213728, 6000005100213731, 6600000708171760 cho đến khi nào trả hết nợ trên. Vì lý do công việc không thể trực tiếp tham gia tố tụng đối với vụ án này nên ông bà yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C trả tiền cho Ngân hàng C số tiền gốc, lãi còn nợ 61.722.038đ và tiếp tục trả lãi theo khế ước đã vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, yêu cầu bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C trả tiền vay còn nợ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm. Đồng thời, bà N, ông C có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N, ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C là có căn cứ để chấp nhận. Vì bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C thừa nhận còn nợ tiền Ngân hàng C và thống nhất trả số tiền vay còn nợ Ngân hàng C, tiền gốc là 54.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2018 là 7.722.038đ và đồng ý tiếp tục trả lãi theo các khế ước đã vay. Việc bà N, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, buộc bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc 54.000.000đ, tiền

lãi tạm tính từ đến ngày 01/8/2018 là 7.722.038đ. Tổng cộng gốc lãi là 61.722.038đ và tiếp tục trả lãi theo khế ước đã vay số 6000005100213728, 6000005100213731, 6600000708171760 là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 3.086.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

Buộc bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ: Tiền gốc 54.000.000đ, tiền lãi là 7.722.038đ. Tổng cộng là 61.722.038đ (Sáu mươi một triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi tám đồng).

Bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C tiếp tục trả lãi theo khế ước vay số 6000005100213728, 6000005100213731, 6600000708171760 cho đến khi nào trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn C chịu 3.086.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Nguyễn Thị Thùy Dung